

Bài 6

PHƯƠNG PHÁP TÌNH HUỐNG



Vũ Thành Tụ Anh

Trưởng Chính sách công và Quản lý Fulbright

Nội dung trình bày



- ❧ Khái niệm về cách tiếp cận nghiên cứu tình huống
- ❧ Ưu, nhược điểm của nghiên cứu tình huống
- ❧ Ba giai đoạn của nghiên cứu tình huống:
 - ❧ Mục tiêu, thiết kế và cấu trúc
 - ❧ Triển khai thiết kế nghiên cứu cho từng tình huống
 - ❧ Đánh giá đóng góp của các tình huống nghiên cứu

Cách tiếp cận phương pháp nghiên cứu tình huống

- ☞ **Một tình huống** là một trường hợp (instance) của một lớp các sự kiện (class of event)
 - ☞ **Một** tình huống có thể bao gồm **nhiều** quan sát, tùy thuộc vào **thiết kế** nghiên cứu
- ☞ **Cách tiếp cận nghiên cứu tình huống**: Là sự *soi xét chi tiết* về một tình huống để *phát triển* lý thuyết, *kiểm định* lý thuyết, hay *giải thích* sự kiện lịch sử và *có thể khái quát hóa* cho các trường hợp khác.
- ☞ Phương pháp nghiên cứu tình huống bao gồm cả phân tích *từng trường hợp đơn lẻ* và *so sánh* giữa một số ít tình huống.

Sức mạnh của phương pháp nghiên cứu tình huống

- ☞ Sự đúng đắn, chính chu về *khái niệm, đo lường, cơ chế nhân quả*
- ☞ *Kiểm định giả thuyết* hiện có
- ☞ *Xây dựng giả thuyết mới*
 - ☞ Phát hiện các *biến số* quan trọng
 - ☞ Phát hiện mối *quan hệ nhân quả*
- ☞ *Mô hình hóa/đánh giá* một cách tỉ mỉ, chặt chẽ các *cơ chế nhân quả* phức tạp

Hạn chế tiềm tàng của phương pháp tình huống

- ❧ Thiết kế nghiên cứu dựa trên *một tình huống* duy nhất
- ❧ *Nguy cơ thiên lệch* trong việc lựa chọn tình huống
 - ❧ Chọn mẫu dựa vào biến phụ thuộc
- ❧ Ít “*bộc tự do*”
 - ❧ Rủi ro thiết kế nghiên cứu không xác định
- ❧ *Thiếu tính đại diện*
 - ❧ Đánh đổi giữa sự chặt chẽ của lý thuyết, sự giải thích phong phú sv. số lượng tình huống khả thi.

Ba giai đoạn của nghiên cứu tình huống



1. Xây dựng *mục tiêu, thiết kế và cấu trúc* của nghiên cứu tình huống
2. *Triển khai* thiết kế nghiên cứu cho từng tình huống một cách phù hợp
3. Dựa trên kết quả của các nghiên cứu tình huống để *đánh giá đóng góp* của các tình huống này trong việc đạt được *mục tiêu nghiên cứu* cũng như đối với kho tàng tư liệu nghiên cứu và lý thuyết nói chung.

1. Mục tiêu, thiết kế và cấu trúc NCTH



1. Xác định vấn đề và mục tiêu nghiên cứu

- ❧ *Câu đố* (Puzzle) – thiếu sót trong tư liệu nghiên cứu?
- ❧ *Mục tiêu* (suy luận mô tả, suy luận nhân quả, cơ chế nhân quả, kiểm định giả thuyết/lý thuyết, xây dựng giả thuyết/lý thuyết, giải thích ...)

2. Khung lý thuyết và xác định các biến số

- ❧ *Biến phụ thuộc (hoặc kết quả)* nào cần được giải thích hoặc dự đoán?
- ❧ *Những biến độc lập (và giải thích)* nào trong khung lý thuyết của nghiên cứu?
- ❧ *Biến nào cần được kiểm soát* (dưới dạng tham số) và *biến nào sẽ biến thiên* giữa các tình huống so sánh?
 - ❧ So sánh có kiểm soát | Giống nhất | Khác nhất | Trước sv. sau

1. Mục tiêu, thiết kế và cấu trúc NCTH



3. Lựa chọn tình huống

- ☞ Là một phần *quan trọng* trong chiến lược nghiên cứu nhằm đạt *mục tiêu* nghiên cứu đã xác định ban đầu: Tình huống được chọn phải *phục vụ mục tiêu* nghiên cứu
- ☞ Các tình huống được chọn để tạo ra sự *kiểm soát* hay *biến thiên* theo yêu cầu của thiết kế nghiên cứu.

4. Mô tả sự sai biệt/biến thiên của các biến số

- ☞ Mô tả định tính hoặc định lượng
- ☞ Một phương pháp phổ biến để mô tả định tính là phân loại (typology)

1. Mục tiêu, thiết kế và cấu trúc NCTH



5. Xác định yêu cầu về dữ liệu

- ☞ Yêu cầu về dữ liệu được xác định từ *khung lý thuyết* và *chiến lược nghiên cứu* được sử dụng để đạt được các *mục tiêu nghiên cứu*
- ☞ Khi nghiên cứu tình huống đối sánh, yêu cầu về dữ liệu nên được thể hiện dưới dạng các *câu hỏi thống nhất* để đảm bảo tính *hệ thống* và *nhất quán* của dữ liệu

6. Tích hợp 5 nhiệm vụ một cách nhuần nhuyễn

- ☞ Các nhiệm vụ có mối quan hệ mật thiết và cùng nhau giúp đạt mục tiêu nghiên cứu cuối cùng.
- ☞ Không có một thiết kế hay nhiệm vụ “hoàn hảo”

2. Tiến hành nghiên cứu tình huống



- ❧ **Thu thập các tài liệu** học thuật và dữ liệu phỏng vấn có thể tiếp cận về tình huống và bối cảnh của nó
- ❧ **Thiết lập giá trị** của các biến độc lập và phụ thuộc của tình huống
 - ❧ Nếu thích hợp, nên định lượng và “gán giá trị” cho các biến độc lập và phụ thuộc
 - ❧ Phải luôn nêu rõ các tiêu chí được sử dụng để “gán giá trị” nhằm cung cấp cơ sở để đánh giá độ tin cậy
- ❧ **Giải thích kết quả** của từng trường hợp
 - ❧ Công việc “thám tử” và phân tích lịch sử
 - ❧ Các giả thuyết | giải thích thay thế?
 - ❧ Chuyển giải thích mô tả thành phân tích mô tả: Từ tình huống cụ thể thành kiến thức khái quát

3. Hàm ý của nghiên cứu đối với lý thuyết nói chung

- ☞ Hàm ý cho cả xây dựng và kiểm định lý thuyết
- ☞ **Xây dựng lý thuyết:**
 - ☞ Phát hiện biến số | giả thuyết | cơ chế nhân quả mới hay bị “bỏ sót” trong các nghiên cứu trước
- ☞ **Kiểm định lý thuyết:**
 - ☞ củng cố sức mạnh cho các lý thuyết đã có
 - ☞ Thu hẹp phạm vi và điều kiện áp dụng lý thuyết
 - ☞ Phân biệt giữa các giả thuyết/lý thuyết cạnh tranh

Ba giai đoạn của nghiên cứu tình huống



1. Xây dựng *mục tiêu, thiết kế và cấu trúc* của nghiên cứu tình huống
2. *Triển khai* thiết kế nghiên cứu cho từng tình huống một cách phù hợp
3. Dựa trên kết quả của các nghiên cứu tình huống để *đánh giá đóng góp* của các tình huống này trong việc đạt được *mục tiêu nghiên cứu* cũng như đối với kho tàng tư liệu nghiên cứu và lý thuyết nói chung.

Ví dụ: Gia nhập WTO và cải cách

1.1. Xác định vấn đề, câu hỏi và mục tiêu nghiên cứu

Câu

- ❧ “Puzzle”: *Lý thuyết* hiện hữu khẳng định việc gia nhập/ký kết các hiệp định thương mại quốc tế sẽ giúp thúc đẩy cải cách kinh tế trong nước. Tuy nhiên, *thực tiễn* cho thấy điều này không đúng.
 - ❧ Kết quả *không đồng đều* giữa các nước
 - ❧ Kết quả thậm chí *ngược lại* kỳ vọng cải cách
- ❧ **Câu hỏi:** Tại sao gia nhập WTO giúp thúc đẩy cải cách ở một số nước, còn một số nước khác lại không?
- ❧ **Mục tiêu:** Chứng minh/đưa ra giả thuyết mới là tác động cải cách của WTO phụ thuộc vào bối cảnh kinh tế chính trị của từng quốc gia, và điều này giải thích sự khác biệt về tác động của WTO giữa các nước.

Ví dụ: Gia nhập WTO và cải cách

1.2. Khung lý thuyết và xác định các biến số

☞ *Khung lý thuyết*

☞ Kinh tế chính trị: Tính chính danh và kết quả kinh tế

☞ “Trò chơi” 2 cấp (2-level game): Tương tác giữa áp lực bên ngoài và kinh tế - chính trị bên trong

☞ “*Biến*” phụ thuộc (hoặc kết quả) nào cần được giải thích hoặc dự đoán?

☞ “Cải cách ngược” DN nhà nước khi Việt Nam gia nhập WTO

☞ Những “*biến*” độc lập (và giải thích) nào trong khung lý thuyết của nghiên cứu?

☞ Vai trò thống trị của khu vực DNNN

☞ Mục tiêu “độc lập, tự chủ” khi hội nhập

☞ Bối cảnh kinh tế (“không có khủng hoảng”)

☞ Nhu cầu cấp bách phát triển khu vực DNNN trước WTO

☞ Thay đổi lãnh đạo

Ví dụ: Gia nhập WTO và cải cách

1.3. Lựa chọn tình huống

- ❧ Tiêu chí chọn tình huống
 - ❧ Hiệp định thương mại quan trọng
 - ❧ Tồn tại tình trạng “cải cách ngược”
- ❧ Các tình huống có thể lựa chọn:
 - ❧ Hiệp định thương mại song phương Việt – Mỹ (BTA)
 - ❧ Gia nhập WTO
 - ❧ [TP-TPP]
 - ❧ [EVFTA]
 - ❧ [RCEP]

Ví dụ: Gia nhập WTO và cải cách

1.4. Mô tả sự biến thiên của các biến số

- ❧ *Biến thiên của “biến” phụ thuộc (hoặc kết quả):* Tiến trình cải cách DNNN từ thời TTg. Võ Văn Kiệt đến Phan Văn Khải và Nguyễn Tấn Dũng
- ❧ *Biến thiên của các “biến” độc lập (và giải thích)*
 - ❧ Vai trò thống trị của khu vực DNNN [giữ nguyên]
 - ❧ Mục tiêu “độc lập, tự chủ” khi hội nhập [tăng cường]
 - ❧ Bối cảnh kinh tế (“không có khủng hoảng”) [tự mãn]
 - ❧ Nhu cầu cấp bách phát triển khu vực DNNN trước WTO [mới xuất hiện]
 - ❧ Thay đổi lãnh đạo [mới xuất hiện]

Ví dụ: Gia nhập WTO và cải cách

1.4. Yêu cầu về dữ liệu

- ❧ Dữ liệu thứ cấp [dữ liệu nền và bối cảnh]
 - ❧ Văn kiện liên quan đến WTO
 - ❧ Văn kiện liên quan đến cải cách DNNN
 - ❧ Số liệu liên quan đến phát triển/kết quả hoạt động của DNNN v.v.
- ❧ Dữ liệu sơ cấp [xác lập và kiểm định quan hệ nhân quả]
 - ❧ Nhà chính trị
 - ❧ Nhà làm chính sách
 - ❧ Nhà phân tích chính sách
 - ❧ Nhà quản lý DNNN

Ví dụ: Gia nhập WTO và cải cách

2. Triển khai nghiên cứu tình huống

☞ Thu thập các tài liệu:

- ☞ Học thuật: Lý thuyết/niềm tin phổ biến hiện hữu; tương tác giữa hiệp định thương mại với cải cách kinh tế trong nước
- ☞ Thứ cấp: Dữ liệu nền và bối cảnh của tình huống
- ☞ Sơ cấp: Tiến hành phỏng vấn/sắp xếp tư liệu

☞ Thiết lập giá trị của các biến độc lập và phụ thuộc

- ☞ Giá trị định tính, biến đổi theo thời gian

☞ Giải thích kết quả của từng trường hợp

- ☞ Xác lập cơ chế nhân quả
- ☞ Phát biểu và phủ định (các) giả thuyết thay thế
 - ☞ Điều gì sẽ xảy ra cho các TCT nếu không vào WTO? (tr. 13)
 - ☞ “Cải cách ngược” do thay đổi TTg chứ không phải do WTO (tr. 14)
- ☞ Chuyên giải thích mô tả thành phân tích mô tả: Khái quát hóa tương tác giữa hiệp định thương mại và cải cách trong nước

Ví dụ: Gia nhập WTO và cải cách

3. Hàm ý của nghiên cứu

☞ Về phương diện xây dựng lý thuyết:

- ☞ Tương tác giữa hội nhập và môi trường kinh tế chính trị trong nước quyết định kết quả của hội nhập.
- ☞ Hội nhập chỉ có thể đóng vai trò xúc tác, nhân tố quyết định vẫn là kinh tế - chính trị trong nước.

☞ Kiểm định lý thuyết:

- ☞ Phủ nhận giá trị phổ quát của lý thuyết hiện tại bằng ví dụ phản chứng
- ☞ Đưa ra cơ chế nhân quả giải thích tại sao “cải cách ngược” lại có thể xảy ra
- ☞ Khái quát hóa khả năng cùng một hiệp định thương mại như nhau nhưng đưa đến các kết quả khác nhau ở các nước